

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định năng lực ngoại ngữ, công nghệ thông tin và kỹ năng mềm
của sinh viên tốt nghiệp đại học và cao đẳng**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

Căn cứ Quyết định số 517/TTg ngày 11 tháng 7 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Văn Hiến; Căn cứ Quyết định số 58/QĐ-TTg ngày 08 tháng 01 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi loại hình của trường Đại học Văn Hiến;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐQT-VHU ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy định năng lực ngoại ngữ, công nghệ thông tin và kỹ năng mềm của sinh viên tốt nghiệp đại học và cao đẳng;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Văn Hiến;

Căn cứ biên bản lấy ý kiến Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường Đại học Văn Hiến về việc hoàn thiện chuẩn đầu ra ngày 24 tháng 07 năm 2018;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định năng lực ngoại ngữ, công nghệ thông tin và kỹ năng mềm của sinh viên tốt nghiệp đại học và cao đẳng.

Điều 2. Quyết định này áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2018.

Điều 3. Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trưởng các khoa/Bộ môn, Trưởng các đơn vị và sinh viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/h);
- BDH, VP.BDH (để b/c);
- Các đơn vị trong trường
- Đăng website;
- Lưu: VT, QLĐT.

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

PGS. TS. Trần Văn Thiện

QUY ĐỊNH

Năng lực ngoại ngữ, công nghệ thông tin và kỹ năng mềm của sinh viên tốt nghiệp đại học và cao đẳng

*(Ban hành theo Quyết định số 806/QĐ-ĐHVH ngày 30 tháng 07 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Hiến)*

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Văn bản này quy định năng lực ngoại ngữ, công nghệ thông tin và kỹ năng mềm của sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng tại Trường Đại học Văn Hiến.

Văn bản này áp dụng cho sinh viên đại học, cao đẳng của Trường Đại học Văn Hiến ở tất cả các ngành và hình thức đào tạo: chính quy, vừa làm vừa học, liên thông (chính quy, vừa làm vừa học), văn bằng 2 (chính quy, vừa làm vừa học).

2. Giải thích từ ngữ

Năng lực trong văn bản này được hiểu là yêu cầu tối thiểu về trình độ, kỹ năng, kiến thức của sinh viên tốt nghiệp tương ứng với trình độ, ngành/chuyên ngành và hình thức đào tạo. Sinh viên phải đáp ứng các yêu cầu về năng lực để được xét công nhận tốt nghiệp.

3. Yêu cầu về năng lực ngoại ngữ

3.1. Đối với các ngành không chuyên ngoại ngữ trình độ đại học hệ chính quy là tiếng Anh bậc 3 (tương đương B1); trình độ cao đẳng hệ chính quy, hệ đào tạo liên thông, văn bằng 2, vừa làm vừa học (đại học và cao đẳng) là tiếng Anh bậc 2 (tương đương A2).

3.2. Đối với các ngành chuyên ngoại ngữ được quy định như sau:

a) Ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học hệ chính quy, hệ đào tạo liên thông, văn bằng 2 là tiếng Anh bậc 5 (tương đương C1); trình độ đại học hệ đào tạo vừa làm vừa học là tiếng Anh bậc 4 (tương đương B2).

b) Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc là tiếng Hoa bậc 4 (tương đương HSK cấp độ 4).

c) Ngành Đông phương học: chuyên ngành Nhật Bản học là tiếng Nhật bậc 4 (tương đương JLPT N3); chuyên ngành Hàn Quốc học là tiếng Hàn bậc 4 (tương đương TOPIK4).

3.3. Trường Đại học Văn Hiến tổ chức dạy, thi và cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ theo quy định Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường xem xét công nhận tính tương đương của các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế khác

trong thời hạn 02 năm từ thời điểm được xác nhận trên cơ sở đối sánh với Khung tham chiếu chung Châu Âu – CEFR (xem phụ lục đính kèm).

4. Yêu cầu về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin

Đối với các ngành không chuyên công nghệ thông tin thuộc tất cả hình thức đào tạo trình độ cao đẳng, đại học là chứng chỉ quốc tế tin học văn phòng Microsoft Office Specialist (MOS) bao gồm Microsoft Word và Microsoft Excel do Microsoft trực tiếp cấp chứng chỉ.

Trường Đại học Văn Hiến tổ chức dạy, phối hợp với các tổ chức có chức năng thi và cấp chứng chỉ quốc tế theo qui định.

5. Yêu cầu về kỹ năng mềm

Đối với trình độ đại học chính quy, sinh viên phải tích lũy tối thiểu 08 kỹ năng (05 kỹ năng bắt buộc, 03 kỹ năng tự chọn); đối với trình độ cao đẳng chính quy, sinh viên phải tích lũy tối thiểu 06 kỹ năng (04 kỹ năng bắt buộc, 02 kỹ năng tự chọn).

Trước mỗi học kỳ, Trường Đại học Văn Hiến công bố kế hoạch giảng dạy các kỹ năng để sinh viên đăng ký theo nguyện vọng, phù hợp với định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp.

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

PGS. TS. Trần Văn Thiện

Phụ lục: Bảng quy đổi Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam

Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam		Khung tham chiếu chung châu Âu CEFR	Tiếng Anh						Tiếng Nhật	Tiếng Hàn	Tiếng Trung
			IELTS	TOEIC	TOEFL PBT	TOEFL CBT	TOEFL iBT	Cambridge Tests			
Cao cấp	6	C2	7.5+	910+	600+	250+	100+	45 - 59 CPE 80 - 100 CAE	JLPT N1	TOPIK 6	HSK cấp độ 6
	5	C1	7.0 6.0	850	577 540	236 213	95 80	60 -79 CAE 80 - 100 FCE	JLPT N2	TOPIK 5	HSK cấp độ 5
Trung cấp	4	B2	5.5 5.0	600	527 480	197 173	71 61	60 -79 FCE 80 - 100 PET	JLPT N3	TOPIK 4	HSK cấp độ 4
	3	B1	4.5 4.0	450	477 450	153 126	53 42	45 - 59 FCE 65 - 79 PET 90 - 100 KET	JLPT N4	TOPIK 3	HSK cấp độ 3
Sơ cấp	2	A2	3.5 3.0	400	340	96	31	45 - 64 PET 70 - 89 KET	JLPT N5	TOPIK 2	HSK cấp độ 2
	1	A1	< 3.0	< 400	< 340	< 96	< 31	45- 69 KET	JLPT N5	TOPIK 1	HSK cấp độ 1
Pass		Pass	Top Score 9	Top Score 990	Top Score 677	Top Score 300	Top Score 120	Pass	Pass	Pass	Pass